

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020,
định hướng đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ vào Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG

- Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long (gồm thành phố Cần Thơ, tỉnh Cà Mau, tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang) là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thủy sản, hoa quả, góp phần quan trọng vào đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đóng góp lớn vào xuất khẩu nông, thủy sản của cả nước. Là trung tâm năng lượng lớn của cả nước với ba trung tâm điện lực Ô Môn, Cà Mau, Kiên Lương và cung cấp khí đốt từ các mỏ khí Tây Nam.

- Là trung tâm dịch vụ, du lịch lớn của cả nước, trong đó có Khu du lịch quốc gia Năm Căn và đặc biệt đảo Phú Quốc được xác định xây dựng trở thành trung tâm giao thương quốc tế, khu du lịch quốc gia với sản phẩm du lịch sinh thái chất lượng cao của cả khu vực Nam Bộ và hạ lưu sông Mê Kông.

- Là cầu nối trong hội nhập kinh tế khu vực; các mặt văn hóa, xã hội tiến kịp mặt bằng chung của cả nước; là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 28-KL/TW; định hướng Chiến lược biển Việt Nam, đảm bảo thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực; phát triển thành vùng động lực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước theo hướng mở, có khả năng hội nhập quốc tế sâu, rộng.

2. Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong Vùng, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển theo chiều sâu gắn với đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Đầu tư có trọng điểm vào một số lĩnh vực mà vùng có lợi thế cạnh tranh như sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chất lượng cao, du lịch sinh thái (miệt vườn, sông nước, đất ngập nước), du lịch biển và du lịch văn hóa lễ hội, dịch vụ và kinh tế biển, đảo; phát triển mạnh hệ thống thương mại, đặc biệt là hệ thống bán buôn, làm đầu mối cung ứng hàng hóa cho cả Vùng.

3. Phát triển đồng bộ hệ thống các đô thị, khu dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng thân thiện với môi trường sinh thái gắn với đồng ruộng, miệt vườn, sông nước và biển đảo.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển các lĩnh vực xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội để từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; đẩy mạnh công tác xoá đói, giảm nghèo, giảm chênh lệch về phát triển xã hội giữa các khu vực và giữa các đồng bào dân tộc trong vùng.

5. Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

6. Thực hiện phát triển bền vững, gắn phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái; có các giải pháp chủ động phòng tránh và ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu đến năm 2020:

a) Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng phát triển năng động, có cơ cấu kinh tế hiện đại, mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, có đóng góp ngày càng lớn vào nền kinh tế của đất nước, góp phần quan trọng vào việc xây dựng cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long giàu mạnh, tiến kịp mặt bằng chung của cả nước; bảo đảm ổn định chính trị và an ninh quốc phòng vững chắc.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 11%/năm giai đoạn 2011- 2015 và 10,5%/năm giai đoạn 2016 - 2020;

+ Cơ cấu kinh tế năm 2015: Nông lâm nghiệp, thủy sản 23,1%; công nghiệp - xây dựng 33,3%; dịch vụ 43,6%. Cơ cấu kinh tế năm 2020: Nông lâm nghiệp, thủy sản 17,3%; công nghiệp - xây dựng 37,4%; Dịch vụ 45,3%;

+ GDP bình quân đầu người đạt khoảng 2.470 USD năm 2015, năm 2020 khoảng 4.400 USD. Giá trị xuất khẩu đến năm 2015 đạt 5,6 tỷ USD, năm 2020 khoảng 10,3 tỷ USD. Tỷ lệ huy động ngân sách từ GDP đạt 9,5 - 10% đến năm 2015 và khoảng 10 - 11% đến năm 2020;

+ Sản lượng thóc đến năm 2015 khoảng 9 triệu tấn, năm 2020 khoảng 10,2 triệu tấn. Sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác đến năm 2015 đạt 2.030 nghìn tấn, năm 2020 khoảng 2.420 nghìn tấn.

- Các mục tiêu xã hội:

+ Phần đầu tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,1% đến năm 2015 và dưới 1% năm 2020. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 55% đến năm 2015 và trên 70% đến năm 2020. Tạo việc làm hàng năm cho 15 - 15,5 vạn lao động giai đoạn 2011 - 2015 và 17 - 17,5 vạn lao động giai đoạn 2016 - 2020. Giữ tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị khoảng 3 - 4%. Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1,5 - 2,5%/năm;

+ Phần đầu đến năm 2015 số xã, phường đạt tiêu chuẩn văn hóa trên 55%, số ấp, khóm đạt tiêu chuẩn văn hóa trên 75%; đến năm 2020 số xã, phường đạt tiêu chuẩn văn hóa trên 65%, số ấp, khóm đạt tiêu chuẩn văn hóa trên 85%. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 13% vào năm 2015 và dưới 10% vào năm 2020;

+ Tăng tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường; phần đầu đến năm 2015, tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt trên 99%. Nâng tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học trong độ tuổi đạt trên 87% vào năm 2015 và đạt 95 - 97% vào năm 2020; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi vào trung học phổ thông lên trên 60% vào năm 2015 và khoảng 80% vào năm 2020;

+ Tỷ lệ cấp nước sạch đến năm 2015 đối với các đô thị từ loại III trở lên đạt 90%; đô thị loại IV và V đạt 85%, khu vực dân cư nông thôn sống tập trung đạt 60%. Đến năm 2020 tại các đô thị và khu vực dân cư nông thôn sống tập trung đạt 100%. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt trên 98,5% vào năm 2015 và đến năm 2020 đạt 100%.

- Về bảo vệ môi trường

+ Đến năm 2015 các khu công nghiệp, khu đô thị xây dựng mới có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn quy định; năm 2020 có 100% khu công nghiệp, khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn môi trường. Đến năm 2015 có 90% và đến năm 2020 có 100% chất thải rắn phát sinh tại các đô thị, khu công nghiệp trong vùng được thu gom và xử lý;

+ Nâng tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2015 trên 12,2%, đến năm 2020 lên 13,2% và tỉ lệ diện tích đất lâm nghiệp có rừng đạt 100%. Bảo vệ hệ sinh thái biển và ven biển, bảo tồn thiên nhiên; chủ động phòng, tránh giảm thiểu rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Về quốc phòng, an ninh

+ Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong các giai đoạn phát triển;

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục và vận động quần chúng chấp hành nghiêm chỉnh Luật pháp của nhà nước nhằm hạn chế, đẩy lùi tai nạn giao thông; giáo dục nếp sống văn hoá mới, chống mê tín dị đoan tại các cộng đồng dân cư.

2. Định hướng đến năm 2030:

a) Là vùng có trình độ phát triển khá cao, khoa học - công nghệ sẽ trở thành một trong những động lực chính trong phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong vùng, tổ chức xã hội với trình độ tiên tiến. Đến năm 2030, dự kiến GDP bình quân đầu người của vùng đạt khoảng 9.300 USD, tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế gần 90%, nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao. Môi trường đầu tư đạt chuẩn quốc gia và khu vực (thông thoáng, minh bạch, thân thiện, an ninh, an toàn).

b) Mạng lưới kết cấu hạ tầng được xây dựng đồng bộ, hiện đại. Các trục cao tốc đối ngoại và nội vùng (Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau, Chơn Thành - Rạch Giá, Sóc Trăng - Cần Thơ - Châu Đốc, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu) được hoàn thành. Hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng lưới cấp điện, cấp nước, thoát nước được xây dựng đồng bộ. Hệ thống các cơ sở văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế và thể dục - thể thao ở mức cao so với cả nước; kinh tế phát triển năng động và hiệu quả với cơ cấu kinh tế phù hợp và năng động.

c) Hình thành hệ thống đô thị hiện đại, phân bố hợp lý tại các tiểu vùng. Các đô thị lớn như Cần Thơ, Phú Quốc và một số Thành phố khác trở thành các trung tâm dịch vụ, du lịch, giao thương lớn của vùng, cả nước và khu vực trong đó trọng tâm phát triển Phú Quốc và Năm Căn trở thành Khu du lịch quốc gia. Quy mô dân số của vùng đến năm 2030 khoảng 7,8 - 8,0 triệu người, trong đó dân số đô thị khoảng 4,7 - 4,8 triệu người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 60 - 61%.

d) Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; xã hội đồng thuận, an toàn, thanh bình; hoàn thành tu bổ, tôn tạo để phát huy giá trị các di tích như Bà Chúa Xứ ở núi Sam và các di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử cách mạng quốc gia khác; cộng đồng gắn kết hài hoà và thân thiện, an ninh chính trị giữ vững, quốc phòng được đảm bảo.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

Xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa mạnh, đa dạng, cạnh tranh và hiệu quả, bền vững. Phân đầu tốc độ tăng GTSX nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2011 - 2015 đạt bình quân 5,4%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,0%/năm.

- Nông nghiệp: Thâm canh tăng năng suất và nâng cao chất lượng lúa. Duy trì và ổn định diện tích đất lúa đến năm 2020 khoảng 772,2 nghìn ha (trong đó đất chuyên lúa là 720,7 nghìn ha). Diện tích cây ăn quả khoảng 68 nghìn ha.

- Lâm nghiệp: Thiết lập ổn định và bền vững hệ thống rừng đặc dụng và phòng hộ đi đôi với nâng cao hiệu quả trồng rừng sản xuất tập trung.

- Thủy sản: Phát triển khai thác thủy sản một cách bền vững, khai thác đi đôi với bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường sinh thái. Giám khai thác hải sản gần bờ và ven bờ, tăng dần khai thác hải sản xa bờ thông qua đổi mới công nghệ để tăng hiệu quả kinh tế. Diện tích nuôi thủy sản nước lợ toàn vùng khoảng 338,5 nghìn ha năm 2015 và 345 nghìn ha năm 2020. Diện tích nuôi trồng thủy sản nước ngọt ổn định khoảng 68 - 78 nghìn ha.

2. Về công nghiệp:

Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, lợi thế so sánh như ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm nông, lâm, thủy sản hướng vào xuất khẩu; công nghiệp điện và năng lượng, phát triển điện sinh khối. Dự kiến tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 17% giai đoạn 2011 - 2015 và 16%/năm giai đoạn 2016 - 2020, tập trung các lĩnh vực:

- Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm theo hướng gắn với vùng sản xuất nguyên liệu, đầu tư chiều sâu cho các nhà máy chế biến hiện có, mở rộng sản xuất những sản phẩm tinh chế, đa dạng hóa mặt hàng, nâng cao giá trị xuất khẩu, gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ. Khôi phục và phát triển một số nghề truyền thống, sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Tiếp tục khai thác các mỏ khí hiện có, nghiên cứu triển khai xây dựng Nhà máy lọc dầu công suất 2 triệu tấn dầu thô/năm tại thành phố Cần Thơ. Xây dựng nhà máy lọc dầu tại Năm Căn. Hoàn thành Trung tâm điện lực Ô Môn; xây dựng trung tâm nhiệt điện công suất 4.400 MW tại Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Phát triển công nghiệp cơ khí đóng và sửa chữa tàu thuyền tại Cà Mau, Kiên Giang. Phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, thủy sản, sản xuất phụ tùng lắp ráp máy động lực trong vùng.

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển các sản phẩm hóa chất phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và tiêu dùng.

- Phát triển các khu công nghiệp dọc theo trục giao thông quan trọng, kết hợp với mạng lưới cảng biển và cảng sông, gắn với phát triển mạng lưới đô thị. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng ngoài và trong hàng rào các khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các khu công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống tại các địa phương.

3. Phát triển khu vực dịch vụ:

- Thương mại: Tiếp tục tập trung phát triển xuất khẩu các sản phẩm có tiềm năng và giá trị cao như lúa, tôm, cá, rau quả đông lạnh. Phát triển thương mại biên giới thông qua hoạt động của các khu kinh tế cửa khẩu, chợ biên giới. Phát triển thương mại thành phố Cần Thơ để nâng cao vai trò trung tâm thương mại của Vùng.

- Du lịch: Phát triển du lịch sinh thái (miệt vườn sông nước, đất ngập nước), du lịch biển và du lịch văn hóa lễ hội. Thu hút đầu tư để sớm hoàn thành cơ sở hạ tầng du lịch chủ yếu của các Khu, điểm du lịch quốc gia trên địa bàn Vùng; các khu du lịch và khu vui chơi giải trí tổng hợp có quy mô lớn mang tính đồng bộ và bền vững.

- Dịch vụ: Phát triển mạnh các ngành dịch vụ tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistic để tạo điều kiện phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Khuyến khích rộng rãi mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh vận tải đường bộ và đường thủy nội địa theo quy hoạch. Phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và cho các khu, cụm công nghiệp. Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí, mua sắm, văn hóa - thể thao tại các đô thị và khu đô thị mới. Phát triển mạnh dịch vụ công nghệ thông tin tại các tỉnh, thành phố trong Vùng, phát triển thành phố Cần Thơ thành trung tâm công nghiệp công nghệ thông tin lớn của Vùng.

4. Phát triển các lĩnh vực văn hoá - xã hội:

- Dân số và nguồn nhân lực:

Phấn đấu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên và nâng cao chất lượng dân số, đến năm 2015 dân số toàn vùng đạt khoảng 6,7 triệu người, đến năm 2020 đạt khoảng 7,1 triệu người, nâng tỷ lệ đô thị hóa của vùng lên 40,4% năm 2015 và 47,8% năm 2020.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Vùng. Chú trọng tạo việc làm, nâng cao chất lượng việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Giáo dục - đào tạo:

Phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề nhằm tạo bước đột phá để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu về nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng và cả nước.

Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ trước khi vào lớp 1. Tăng tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường. Cùng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống tái mù chữ trên cơ sở hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở.

Tập trung, ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn của vùng và yêu cầu hội nhập quốc tế; ưu tiên đầu tư, phát triển các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có đủ năng lực đào tạo các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế và khu vực.

Ưu tiên đầu tư cho trường học ở vùng biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, học tập của học sinh các dân tộc ở các tỉnh An Giang, Kiên Giang và các địa phương Campuchia. Tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên cho học sinh là người dân tộc thiểu số và học sinh người Khmer .

Xây dựng mỗi địa phương có một Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện mạng lưới các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp; đầu tư thành lập mới một số trường trung cấp chuyên nghiệp để phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Đầu tư đồng bộ các trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề, trong đó mỗi trường có 2 - 5 nghề đạt chuẩn quốc gia, đặc biệt những nghề gắn với phương hướng phát triển của Vùng.

Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao cho cả vùng. Rà soát, sắp xếp và thành lập các trường đại học, cao đẳng phù hợp với quy hoạch, trên cơ sở đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và điều kiện thành lập trường theo quy định. Mở rộng quy mô giáo dục đại học và sau đại học và nâng cấp một số trường Cao đẳng, Đại học trên địa bàn nhằm từng bước điều chỉnh cơ cấu và trình độ lực lượng lao động.

- Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Xây dựng hệ thống y tế vùng từng bước hiện đại, hoàn chỉnh, đồng bộ, đủ khả năng đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của nhân dân, nhằm giảm tỷ lệ mắc và tỷ lệ tử vong do bệnh, dịch bệnh, góp phần nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng giống nòi.

Xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm y tế của Vùng theo hướng tập trung phát triển các cơ sở y tế chuyên sâu, cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao phục vụ nhân dân trên địa bàn Vùng và khu vực.

- Văn hoá và thể dục thể thao:

Bảo tồn, kế thừa có chọn lọc, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của văn hóa dân tộc, hình thành nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Bảo tồn, tôn tạo đồng bộ các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia và cấp tỉnh, trong đó chú trọng đầu tư tu bổ hoàn thành các yếu tố di tích gốc của di tích lịch sử cách mạng như: Nhà tù Phú Quốc (Kiên Giang), Chiến khu cách mạng U Minh Thượng (Kiên Giang), Xứ ủy Trung ương cục miền Nam tại U Minh Hạ (Cà Mau).

Hoàn thiện đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục thể thao từ cấp tỉnh đến cơ sở. Chú trọng đầu tư hoàn chỉnh Trung tâm Văn hóa Tây Đô (Cần Thơ), Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ, Học viện Phật giáo Nam tông Khmer, Viện Văn hóa Vùng, Bảo tàng tỉnh Cà Mau và Bảo tàng Thành phố Cần Thơ.

Xây dựng và phát triển hoạt động thể dục, thể thao trong vùng để trở thành một trong những trung tâm thể dục thể thao mạnh của cả nước, trong đó chú trọng hoàn thiện Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia tại Cần Thơ, nhà thi đấu tỉnh Cà Mau.

- Xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội: Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các Chương trình, dự án về giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, dạy nghề. Thực hiện tốt các chính sách trong lĩnh vực an sinh xã hội, chăm sóc người có công, trẻ em và phòng chống tệ nạn xã hội.

5. Khoa học và công nghệ:

Phát triển thị trường công nghệ, bảo đảm giá trị giao dịch mua bán công nghệ đạt mức tăng trưởng bình quân đạt 8-10%/năm.

Hình thành trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Vùng tại thành phố Cần Thơ. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho mạng lưới khu, trạm nông nghiệp công nghệ cao; phát triển một số dịch vụ về giống, công nghệ phục vụ sản xuất, chế biến và bảo quản các sản phẩm chủ lực.

Đầu tư xây dựng khu công nghệ cao gắn với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học công nghệ tại thành phố Cần Thơ.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng:

- Về phát triển giao thông:

Đường bộ: Hoàn chỉnh tuyến cao tốc đoạn Mỹ Thuận - Cần Thơ; hoàn thành nâng cấp và mở rộng QL1 đoạn Cần Thơ - Năm Căn; đường ven biển phía Nam; đường Hồ Chí Minh từ Vàm Cống (An Giang) đến Đất Mũi (Cà Mau); Quốc lộ 80 từ Cần Thơ đến Hà Tiên (Kiên Giang); tuyến N1... Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống đường tỉnh và các trục xuyên tâm qua đô thị, phát triển vận tải công cộng; phấn đấu đến năm 2020 có 100% đường đến trung tâm xã và cụm xã; tỷ lệ cứng hóa đạt 100%.

Đường biển: Hoàn thành đầu tư dự án luồng cho tàu biển lớn vào sông Hậu qua Kênh Quan Chánh Bó; nạo vét các đoạn cận cửa sông, chỉnh nắn và cải tạo các đoạn cong gần cửa sông tuyến sông Cửa Lớn qua cửa Bồ Đề. Xây dựng hệ thống vận tải và hậu cần đa phương tiện (logistics) tại khu vực cảng Cái Cui. Tập trung khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng cảng biển đã được đầu tư xây dựng như Vịnh Đầm cảng Dương Đông, cảng Mũi Đất Đỏ (Phước Quốc); cảng Mỹ Thới (An Giang); nghiên cứu đầu tư các cảng tổng hợp và chuyên dùng xăng dầu Năm Căn trên sông Cửa Lớn và bán đảo Cà Mau.

Đường thủy nội địa: Xây dựng mới một số cảng sông cấp tỉnh. Nâng cấp các cảng chuyên dùng, các khu bến phù hợp với yêu cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ tập trung nằm ven sông và quy hoạch của từng địa phương. Đầu tư nâng cấp đưa vào kỹ thuật các tuyến vận tải thủy chính, hiện đại hóa thiết bị công nghệ quản lý và bốc xếp tại các cảng thủy nội địa chính trong Vùng.

Cảng hàng không: Mở rộng, nâng cấp cảng nội địa Cà Mau và Rạch Giá.

Cảng cạn: Bố trí từ 1 - 2 cảng cạn (ICD) để hỗ trợ thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa tại Cần Thơ, An Giang, phối hợp với các điểm trung chuyển hàng hóa.

Đường sắt: Nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt Mỹ Tho - Cần Thơ kết nối với tuyến đường sắt Hồ Chí Minh - Mỹ Tho.

- Về cấp điện:

Tập trung triển khai xây dựng và hoàn thành các nhà máy điện, mạng lưới phân phối điện đồng bộ, phù hợp với Tổng sơ đồ phát triển Điện lực 7 và tiến độ vận hành các nhà máy điện. Nghiên cứu áp dụng lưới điện thông minh, công nghệ hiện đại trong việc kết nối và điều tiết, hoà mạng đồng bộ với hệ thống lưới điện quốc gia và khu vực.

- Về thủy lợi và cấp nước:

Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi và đề điều đa mục tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn. Xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại Cần Thơ, vùng chuyên tôm, lúa - tôm ở Cà Mau và Tứ giác Long Xuyên, vùng nuôi thủy sản nước ngọt ở Cần Thơ, An Giang, các vùng cây ăn trái. Đầu tư xây dựng các nhà máy nước liên tỉnh và mạng lưới đường ống chuyên tải nước sạch vùng liên tỉnh.

Huy động các nguồn lực xây dựng hệ thống kè chống sạt lở trên các tuyến sông nhằm đảm bảo đời sống của nhân dân, đặc biệt là đối với các thành phố, thị xã, thị trấn, các khu dân cư tập trung. Cùng cố, nâng cấp các tuyến đê biển và xây dựng các công trình lợi dụng tổng hợp trên đê. Ưu tiên xây dựng hệ thống đê Sông Cái Lớn, đê Sông Cái Bé (Kiên Giang); đê bao thành phố Long Xuyên, khu đô thị Tân Châu, thị trấn Chợ Vàm, thị trấn Phú Mỹ (An Giang) và 29 tuyến đê sông ở Cà Mau.

- Thông tin và truyền thông:

Mở rộng diện phục vụ, đưa dịch vụ thông tin và truyền thông xuống gần người dân, đặc biệt là nông thôn, thông qua phát triển mạng bưu cục. Xây dựng bưu cục trung tâm vùng tại thành phố Cần Thơ; nâng cấp bưu điện quận,

huyện và các điểm bưu điện văn hoá xã. Xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông băng thông rộng hiện đại, có thông lượng lớn có độ tin cậy cao. Phát triển thành phố Cần Thơ trở thành một trung tâm dịch vụ viễn thông chất lượng cao của Vùng và cả nước.

7. Bảo vệ môi trường

Đầu tư các nhà máy thu gom và xử lý chất thải rắn, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp. Chú trọng việc thu gom rác dưới sông, ven sông rạch trong nội ô các thành phố, thị xã, thị trấn trong Vùng.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác sử dụng hợp lý gắn với bảo vệ giữ gìn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm đa dạng sinh học và hệ sinh thái nhạy cảm tại các vùng đất ngập nước ven biển ở Cà Mau và Kiên Giang. Xây dựng, nghiên cứu các giải pháp để ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu gây ra.

Xây dựng hệ thống mạng lưới quan trắc chất lượng nước mặt, nước ngầm trong toàn vùng để kiểm tra, giám sát độ ô nhiễm, độ nhiễm mặn của nguồn nước. Nghiên cứu, cảnh cáo và đề xuất giải pháp phòng chống thiên tai tại những khu vực có nguy cơ sạt lở cao dọc các tuyến sông, kênh, rạch. Lòng ghép các nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững trong tất cả các hoạt động về chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực và các địa phương trong Vùng.

8. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh.

- Quy hoạch và xây dựng các khu kinh tế quốc phòng, kết hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng an ninh, tăng cường tiềm lực quốc phòng như xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân, bảo đảm ổn định chính trị xã hội. Xây dựng các điểm sáng văn hóa, thực hiện phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hoá ở khu vực biên giới và hải đảo.

- Đẩy nhanh tiến độ nâng cấp, mở rộng các tuyến ven biên giới (tuyến N1), đầu tư xây dựng các công trình lưỡng dụng kết hợp phát triển kinh tế với củng cố an ninh quốc phòng. Xây dựng các công trình bến cảng cá, nhất là ở các đảo tiền tiêu để phục vụ cho khai thác xa bờ, phòng chống bão, bảo vệ an ninh, quốc phòng.

V. PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ TỎ CHỨC LÃNH THỔ VÙNG

1. Phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư nông thôn:

- Hệ thống đô thị:

Dự báo, tốc độ tăng dân số đô thị giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 5% và khoảng 4,7%/năm giai đoạn 2016 - 2020; tỷ lệ đô thị hóa của vùng lên 40,4% năm 2015 và 47,8% năm 2020.

Đô thị trung tâm Thành phố Cần Thơ: Là trung tâm dịch vụ, thương mại, công nghiệp, khoa học - công nghệ, y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao của Vùng; đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đóng vai trò động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của toàn vùng, quy mô dân số đến 2020 khoảng 2 triệu dân.

Phát triển các đô thị tiểu vùng: Xây dựng, nâng cấp thành phố Long Xuyên lên đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh; thành phố Rạch Giá lên đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh; thành phố Cà Mau đạt đầy đủ các tiêu chí của đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh, là các đô thị trung tâm của các tiểu vùng.

Đầu tư phát triển thị xã Châu Đốc lên đô thị loại 2; thị xã Tân Châu đạt tiêu chí đô thị loại 3; huyện Kiên Lương (Kiên Giang), Cái Dầu, Tịnh Biên (An Giang) đạt tiêu chí đô thị loại 4 và nâng cấp thành thị xã; đô thị Núi Sập (An Giang), đô thị Sông Đốc, Năm Căn (Cà Mau), đô thị Minh Lương, Thứ Bẩy (Kiên Giang) đạt tiêu chí đô thị loại 4. Từng bước xây dựng đô thị Phú Quốc trở thành trung tâm giao thương lớn của Vùng, cả nước và khu vực.

- Phát triển các điểm dân cư nông thôn:

Hoàn thành Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ (giai đoạn II) tại Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang. Xây dựng các khu dân cư nông thôn với mô hình phù hợp với điều kiện sinh thái đặc thù, phong tục tập quán (vùng dân cư tập trung ven sông, vùng dân cư sống phân tán ven biển, vùng ngập sâu) của miền sông nước.

Huy động tổng hợp các nguồn lực, nhất là sự tham gia của nhân dân vào xây dựng nông thôn mới. Phân đầu tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới đến năm 2015 khoảng 20 - 25%, đến năm 2020 đạt 50 - 60%.

2. Phát triển các tiểu vùng:

- Tiểu vùng Trung tâm: Bao gồm khu vực nội thành thành phố Cần Thơ và phụ cận. Bố trí các trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng bao gồm các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, y tế chất lượng cao, các trung tâm triển lãm, hội chợ, thể dục thể thao... Tập trung hình thành các khu công nghiệp

công nghệ cao, khu nông nghiệp kỹ thuật cao, các trung tâm nghiên cứu - chuyển giao công nghệ.

- Tiểu vùng Tứ giác Long Xuyên: Bao gồm khu vực tỉnh An Giang và khu vực phía Bắc tỉnh Kiên Giang. Phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ tại các đô thị lớn trong tiểu vùng như Long Xuyên, Rạch Giá, Châu Đốc, Hà Tiên. Xây dựng các khu du lịch mang tầm cỡ vùng và quốc gia tại khu vực Bảy Núi (An Giang) và Hà Tiên (Kiên Giang). Nâng cao giá trị và chất lượng nuôi trồng thủy sản, kể cả thủy sản nước ngọt (tại An Giang, Kiên Giang) và nước mặn, lợ (tại Kiên Giang) và phát triển công nghiệp chế biến gắn với xuất khẩu. Xây dựng các vùng lúa chất lượng cao. Mở rộng công nghiệp sản xuất xi măng, công nghiệp đóng tàu, sản xuất điện... Phát triển kinh tế cửa khẩu.

- Tiểu vùng bán đảo Cà Mau: Bao gồm khu vực tỉnh Cà Mau và khu vực phía Nam tỉnh Kiên Giang. Phát triển công nghiệp năng lượng, hóa chất, công nghiệp dịch vụ dầu khí tại khu vực Khánh An, Năm Căn; các trung tâm thương mại, dịch vụ tại TP Cà Mau, Sông Đốc, Năm Căn. Hoàn thiện hệ thống thủy lợi. Mở rộng diện tích nuôi tôm công nghiệp gắn với chế biến, xuất khẩu. Phát triển lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng quốc gia Đất Mũi, U Minh Hạ, U Minh Thượng, du lịch sinh thái rừng ngập mặn.

- Khu vực hải đảo: Bao gồm các huyện đảo Phú Quốc, Kiên Hải (tỉnh Kiên Giang) và một số đảo của tỉnh Cà Mau. Tập trung phát triển nuôi trồng và đánh bắt hải sản; phát triển du lịch biển, tập trung ở khu vực đảo Phú Quốc, các đảo ven bờ khu vực Cà Mau, Hà Tiên. Đầu tư mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ cho các đảo gắn với các khu neo đậu trú bão.

3. Phát triển các lãnh thổ đặc biệt:

- Các khu kinh tế ven biển:

Đảo Phú Quốc và cụm đảo Nam An Thới: Phát triển thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giao thương quốc tế lớn và hiện đại của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, mang tầm cỡ khu vực, quốc tế. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng Phú Quốc trở thành khu kinh tế đặc biệt với tổ chức, bộ máy hành chính phù hợp. Đẩy mạnh xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, gồm nâng cấp, xây dựng hệ thống giao thông trên đảo, các dự án đường trục chính Bắc - Nam, hoàn thành xây dựng sân bay quốc tế Phú Quốc, cảng biển quốc tế An Thới, các cảng biển Dương Đông và Vịnh Đầm, mạng lưới cấp điện bằng cáp ngầm và một số dự án kết cấu hạ tầng khác (dự án cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải...). Xây dựng các khu du lịch quy mô lớn, có các khu vui chơi giải trí đa dạng, các trung tâm dịch vụ, thương mại để kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch.

Khu kinh tế Năm Căn: Hoàn thành công tác quy hoạch, triển khai đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế Năm Căn. Thu hút đầu tư, phát triển khu kinh tế Năm Căn gắn với cụm khí - điện - đạm Cà Mau, cảng Năm Căn, cụm công nghiệp đóng tàu và khu công nghiệp Năm Căn.

- Các khu kinh tế cửa khẩu: Tiếp tục đầu tư phát triển các khu kinh tế cửa khẩu An Giang (Tỉnh Biên, Vĩnh Châu, Khánh Bình), Hà Tiên (Kiên Giang). Xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu trở thành một trong những khu vực trọng điểm kinh tế của từng tỉnh, góp phần phân bổ lại dân cư và lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương, gắn kết chặt chẽ với củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững biên giới của Tổ quốc. Xây dựng và phát triển các khu kinh tế cửa khẩu này trở thành trung tâm liên kết vùng và đầu mối quan trọng của đường xuyên Á.

VI. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ: Có Phụ lục kèm theo.

VII. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Các lĩnh vực ưu tiên phát triển:

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tập trung vào hệ thống giao thông, thủy lợi, cấp điện, hạ tầng tại các thành phố, các khu kinh tế.

- Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Tiếp tục cải cách hành chính, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng để thu hút đầu tư nước ngoài.

2. Giải pháp về vốn đầu tư:

Huy động có hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là phát huy sức mạnh nội lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với khu vực Nhà nước: Tiếp tục tranh thủ các nguồn tài trợ ODA, NGO, tập trung vào lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường như hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn, giao thông... Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình quốc gia, các dự án hỗ trợ của quốc tế để tạo sức mạnh tổng hợp của các nguồn vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Khu vực ngoài Nhà nước: Cải thiện môi trường đầu tư, tạo lợi thế trong việc thu hút các nguồn vốn của khu vực doanh nghiệp và dân cư, đầu tư trực tiếp nước ngoài. Chú trọng công tác xúc tiến đầu tư. Làm tốt công tác quy

hoạch, chuẩn bị tốt dự án đầu tư và quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư thay vì xem xét, chấp nhận các dự án do các nhà đầu tư nghiên cứu, kiến nghị. Tiếp tục đầu tư mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ trong các khu, cụm công nghiệp, các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu... để mời gọi đầu tư.

- Các giải pháp huy động vốn đầu tư khác: Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo nghề... Huy động vốn đầu tư bằng nhiều hình thức (BOT, BTO, PPP...). Cải tạo môi trường thu hút đầu tư FDI. Sử dụng hiệu quả đất đai thông qua việc xây dựng tốt quy hoạch sử dụng đất. Tạo quỹ đất "sạch" để đấu giá quyền sử dụng đất, tạo nguồn thu phát triển kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi xã hội.

3. Giải pháp về cơ chế, chính sách:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, nghiên cứu các cơ chế, chính sách ưu đãi cao hơn cho các địa phương trong; tạo điều kiện thuận lợi và định hướng thu hút ODA cao hơn cho các địa phương trong Vùng.

- Nghiên cứu áp dụng một số cơ chế chính sách đặc thù cho một số khu vực của vùng: Nghiên cứu xây dựng Phú Quốc thành khu kinh tế đặc biệt với bộ máy tổ chức hành chính phù hợp. Nghiên cứu xây dựng các chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu An Giang là 1 trong 8 khu kinh tế cửa khẩu ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đến năm 2020.

4. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

Coi trọng, quán triệt và triển khai thực hiện một cách hiệu quả việc phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển nguồn nhân lực đồng bộ ở tất cả các khâu: đào tạo, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực.

- Về đào tạo: Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá để nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động được đào tạo và sức khoẻ cho người lao động. Tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý Nhà nước. Mở rộng dạy nghề bằng nhiều hình thức thích hợp; có chính sách đào tạo nghề cho lao động chuyên đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp. Xây dựng các cơ chế khuyến khích phát triển các cơ sở dạy nghề, dạy nghề chất lượng cao. Nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, kiến thức cho nông dân, doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm có đủ sức nắm bắt thông tin thị trường, pháp lý, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ...

- Về thu hút và sử dụng nhân lực: Ban hành cụ thể các chế độ, chính sách để thu hút nhân tài và lao động kỹ thuật đến công tác và làm việc lâu dài ở các địa phương, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Có chính sách đầu tư thêm cho các sinh viên là người của các địa phương trong vùng đang theo

học ở các trường đại học và các trường dạy nghề và hợp đồng cụ thể để sau khi tốt nghiệp về quê hương làm việc. Tạo cơ chế khuyến khích các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham vấn về những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và của cả Vùng.

5. Giải pháp về khoa học và công nghệ:

- Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ của các địa phương trong vùng. Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương để đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở khoa học - công nghệ trên địa bàn Vùng. Huy động các nguồn vốn nhằm tăng nguồn vốn thực hiện các dự án khoa học công nghệ trong giai đoạn 2011 - 2020 (đảm bảo tỷ lệ không quá 2% GDP), làm tiền đề cho phát triển cho giai đoạn sau.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học - công nghệ và cơ chế phối hợp giữa Bộ, ngành và các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ.

- Chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ để khai thác có hiệu quả các lợi thế và điều kiện đặc thù của vùng. Hình thành tại vùng một số mô hình liên kết giữa khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo, sản xuất, kinh doanh; hướng vào khai thác các lợi thế của vùng về các điều kiện tự nhiên, lịch sử.

- Ban hành chính sách thu hút và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học - công nghệ và các chính sách đối với khu vực ứng dụng công nghệ.

6. Giải pháp về hợp tác quốc tế, liên kết vùng và trong vùng:

- Về hợp tác quốc tế: Tăng cường hợp tác với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS) để khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nước sông Mê Kông nhằm mục đích phát triển nông nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, hạn chế tác hại của lũ lụt, biến đổi dòng chảy khi xây dựng các công trình thủy điện ở thượng nguồn. Đẩy mạnh hợp tác thương mại qua biên giới, phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, các chợ trong khu kinh tế cửa khẩu và chợ biên giới, xây dựng mạng lưới giao thông, cấp điện giữa các địa phương Việt Nam với Campuchia. Hợp tác với các nước trong khu vực Đông Nam Á trong lĩnh vực du lịch, hợp tác khai thác dầu khí...

- Về hợp tác liên vùng: Mở rộng hợp tác trong phát triển công nghiệp, đào tạo, y tế, du lịch, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ và lao động giữa các địa phương trong vùng với các địa phương khác trong cả nước, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hợp tác, liên kết phát triển toàn diện kinh tế - xã hội giữa các địa phương, các doanh nghiệp trong vùng. Đẩy mạnh hợp tác giữa các địa phương trong các lĩnh vực: xúc tiến đầu tư, xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi trong thu hút đầu tư; xây dựng vùng nguyên liệu, phát triển công nghiệp chế biến, phát triển các sản phẩm có lợi

thể xuất khẩu và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ; xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn, hệ thống cấp nước... quy mô vùng, các tuyến giao thông liên tỉnh; phối hợp hình thành các tour du lịch nhằm khai thác các lợi thế so sánh và đặc thù riêng của mỗi địa phương; phối hợp trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước.

Điều 2. Tổ chức, giám sát thực hiện Quy hoạch

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là cơ sở cho việc lập điều chỉnh, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong vùng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch, tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện Quy hoạch;

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch Vùng, Quy hoạch của các Bộ, ngành và các địa phương trong vùng; giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất vùng.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong Vùng. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kêu gọi đầu tư đối với các dự án trọng điểm của Vùng.

3. Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:

Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm lập mới, điều chỉnh, trình phê duyệt các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn vùng phù hợp với những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Nghiên cứu, xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra trong Quy hoạch.

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc triển khai và giám sát thực hiện quy hoạch, giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất vùng theo thứ tự ưu tiên thuộc lĩnh vực quản lý nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Vùng.

Các nhiệm vụ cụ thể đối với các Bộ, ngành như sau:

a) Bộ Giao thông vận tải:

- Chỉ đạo xây dựng, hoàn thành các công trình giao thông quan trọng trên địa bàn vùng như: Dự án luồng Kênh Quan Chánh Bồ, đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ, cảng hàng không quốc tế Phú Quốc mới, dự án nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo, dự án đường hành lang ven biển phía Nam, các cầu Cao Lãnh, Vàm Cống, Năm Căn, Cổ Chiên...

- Nghiên cứu đầu tư xây dựng cảng biển có thể tiếp nhận các tàu có trọng tải 30.000 - 50.000 DWT đáp ứng nhu cầu thực tế và phù hợp năng lực tài chính. Đề xuất cơ chế huy động vốn cho các dự án phát triển giao thông vận tải quy mô lớn trên địa bàn Vùng.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Xây dựng và trình duyệt quy hoạch tổng thể và quy hoạch phát triển ngành lĩnh vực nông nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm; tổ chức thực hiện quy hoạch và đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích và quản lý hoạt động đầu tư phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản của Vùng.

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp sử dụng nhân lực sau đào tạo; tạo điều kiện để các trường đại học trong Vùng hiện đại hóa cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giảng viên và chương trình đào tạo ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực.

- Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và thành phố Cần Thơ trong việc xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả Vùng.

d) Bộ Công Thương:

Chỉ đạo xây dựng đúng tiến độ và quy hoạch các trung tâm điện lực và mạng lưới cấp điện trên địa bàn vùng. Chỉ đạo, phối hợp với các địa phương liên quan trong việc xây dựng mạng lưới chợ đầu mối, các trung tâm thương mại quy mô vùng.

Phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu sản phẩm hàng hóa Việt Nam phục vụ cho phát triển kinh tế, đặc biệt là mở rộng thị trường xuất khẩu để hàng hóa Việt Nam đủ sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì và phối hợp với các địa phương liên quan trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo vệ và khai thác nguồn tài nguyên, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường gắn với tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ và khai thác nguồn nước hợp lý; bảo vệ các Vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên. Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương trong vùng lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để chuẩn bị quỹ đất phục vụ các chương trình, dự án liên quan thực hiện quy hoạch.

e) Bộ Xây dựng:

Chủ trì lập quy hoạch, kiểm tra, giám sát xây dựng các khu xử lý chất thải nguy hại, nghĩa trang, hệ thống cấp nước quy mô vùng; phối hợp với các địa phương trong việc xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, từng bước giải quyết dứt điểm tình trạng ngập úng tại các đô thị.

g) Bộ Khoa học và Công nghệ

Chỉ đạo, phối hợp trong việc phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ trên địa bàn Vùng; xây dựng, nâng cao tiềm lực khoa học - công nghệ tại các cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo trên địa bàn Vùng.

h) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì và phối hợp với các địa phương, Bộ, Ngành có liên quan hoàn thiện Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, thể dục thể thao và du lịch vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long; các Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia.

i) Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

Chỉ đạo, phối hợp với các địa phương liên quan trong việc xây dựng hệ thống trung tâm đào tạo nghề, đặc biệt là các trung tâm đào tạo trình độ cao quy mô vùng.

k) Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ

Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo, công tác xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn vùng.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng:

- Phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước và các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.

- Các tỉnh, thành phố trong Vùng chủ động rà soát quy hoạch chi tiết, các chương trình, dự án đầu tư; có kế hoạch lồng ghép quy hoạch vào các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định này.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn theo chức năng được phân công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b).

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU
ĐẦU TƯ VÙNG KTTĐ VÙNG ĐỒNG BẰNG
SÔNG CỬU LONG ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án
I	Giao thông
1	Đường bộ
	Cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ.
	Nâng cấp và mở rộng QL1 đoạn Cần Thơ - Năm Căn.
	Đường Hồ Chí Minh từ Vàm Cống (An Giang) - Đất Mũi (Cà Mau).
	Hoàn thành nâng cấp, cải tạo quốc lộ 63 - Cà Mau, Kiên Giang.
	Nâng cấp cải tạo, quốc lộ 61 đoạn Cái Tr - Gò Quao - Kiên Giang.
	Nâng cấp cải tạo quốc lộ N1, đoạn Đức Huệ - Châu Đốc, An Giang.
	Nghiên cứu, xây dựng tuyến cao tốc Cần Thơ - Châu Đốc, An Giang.
	Đường ven biển phía Nam.
	Xây dựng tuyến Lộ Tê - Rạch Sỏi - Cần Thơ, Kiên Giang.
	Xây dựng cầu Vàm Cống.
	Xây dựng cầu Năm Căn, Cà Mau.
	Xây dựng cầu Long Bình, An Giang.
2	Đường biển, cảng biển
	Xây dựng cảng biển Dương Đông, Kiên Giang.
	Xây dựng cảng biển sông Ông Đốc, Cà Mau quy mô khu vực.
	Nâng cấp cảng An Thới (Phú Quốc, Kiên Giang).
3	Đường thủy nội địa
	Nâng cấp, mở rộng cụm cảng Cần Thơ.
	Nâng cấp cải tạo cảng Mỹ Thới (An Giang).
	Nạo vét luồng lạch tuyến sông Hậu qua kênh Quan Chánh Bó.

STT	Tên dự án
	Nạo vét luồng tuyến sông Cửa Lớn qua cửa Bồ Đề, Cà Mau.
	Nạo vét luồng lạch tuyến vận tải thủy Rạch Giá đi Cà Mau.
	Xây dựng cảng Tân Châu, An Giang.
	Nâng cấp, cải tạo cảng Bình Long, An Giang.
	Nâng cấp, cải tạo cảng Tắc Cậu, Kiên Giang.
	Nâng cấp, cải tạo cảng Ông Đốc, Cà Mau.
4	Hàng không
	Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Cà Mau.
	Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Rạch Giá.
II	Nguồn điện, lưới điện
	Trung tâm Điện lực Ô Môn.
	Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương.
	Nhà máy nhiệt điện Phú Quốc.
	Đường dây mạch kép Kiên Lương - Thốt Nốt.
	Cáp ngầm ra Phú Quốc.
III	Các dự án ngành nông nghiệp và PTNT
	Kè bảo vệ biên giới và cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương, An Giang.
	Kè chống sạt lở bảo vệ bờ sông Long Xuyên, An Giang.
	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Tây.
	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Đông.
	Kho chứa lúa gạo Vùng tại An Giang.
	Các dự án hạ tầng thủy sản, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão tại các địa phương giáp biển trong Vùng.
	Nâng cấp Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long tại Cần Thơ.
	Xây dựng Viện nghiên cứu Thủy sản tại Cần Thơ.
IV	Các dự án khác
	Khu CNTT tập trung và vườn ươm doanh nghiệp CNTT tại Cần Thơ.
	Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ.

STT	Tên dự án
	Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa các tỉnh, thành phố.
	Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực IV tại Cần Thơ.
	Trung tâm Văn hóa Tây Đô.
	Trung tâm thể dục thể thao Vùng tại Cần Thơ.
	Xây dựng Viện Công nghệ sinh học tại Cần Thơ.
	Nhà máy lọc dầu (Công suất 2 triệu tấn/năm) Ô Môn, Cần Thơ.
	Khu công nghiệp công nghệ cao tại Cần Thơ.
	Trung tâm thương mại cấp vùng tại Cần Thơ.
	Hệ thống kho vận, trung tâm phân phối cấp vùng tại Cần Thơ.
	Dự án Nâng cao năng suất và Chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa của thành phố Cần Thơ.
	Khu kinh tế quốc phòng vùng Tứ giác Long Xuyên và biển đảo.

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ.